

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 12/3/2020
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Ngọc Tú
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Bình Quyền
Bà Trịnh Thị Loan
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện H
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa:* Không

Ngày 12 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2020/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Th, sinh năm 1993

Địa chỉ: thôn L, xã Y., huyện N, tỉnh Thanh Hoá.

Bị đơn: Anh Đặng Văn Gi, sinh năm 1984

Địa chỉ: thôn T., xã C, huyện H, tỉnh Thanh Hoá.

Tại phiên tòa vắng mặt cả hai bên đương sự, nguyên đơn chị Lê Thị Th có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Đặng Văn Gi vắng mặt không có lý do dù đã được triệu tập hợp lệ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/01/2020, bản tự khai và lời trình bày tại phiên hòa giải của nguyên đơn chị Lê Thị Th thể hiện:

Về hôn nhân: Tôi và anh Gi tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã C cấp giấy chứng nhận kết hôn tháng 7/2015. Sau khi cưới vợ chồng tôi sống bình thường được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân xuất phát từ mâu thuẫn kinh tế do anh Gi không chịu chăm lo làm ăn mà chơi bời dẫn đến nợ nần. Tôi đã lo để trả nợ cho anh, nhưng sau đó anh vẫn tiếp tục chơi bời dẫn đến vay nợ. Vì vậy đến tháng 12/2019, tôi đem con về nhà ngoại ở. Tình cảm vợ chồng dần không còn, tôi nhận thấy không thể tiếp

tục kéo dài hôn nhân thêm được nữa nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Gi.

Về con: Vợ chồng tôi có 01 con chung là cháu Đặng B, sinh ngày 19/5/2016, lâu nay cháu ở với tôi. Con tôi còn quá nhỏ nên tôi đề nghị được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh Gi cấp dưỡng.

Về tài sản chung và công nợ: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 04/02/2020, lời khai trong biên bản hòa giải ngày 11/02/2020 của anh Đặng Văn Gi thể hiện:

Về hôn nhân: tôi và cô Th tự nguyện kết hôn được Ủy ban nhân dân xã C cấp giấy chứng nhận kết hôn tháng 7/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng tôi chung sống hòa thuận bình thường, không có mâu thuẫn gì lớn, tất cả đều vì lý do kinh tế. Cách đây một tháng cô Th đem con về nhà ngoại ở. Nay cô Th không còn tình cảm với tôi và muốn ly hôn thì tùy cô Th, tôi thực sự không muốn, nhưng vì cô Th vẫn cương quyết ly hôn nên tôi cũng đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng tôi có 01 con chung là cháu Đặng B, sinh ngày 19/5/2016, đang ở với cô Th. Tôi đề nghị được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu cô Th cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn chị Lê Thị Th không có sự thay đổi, bổ sung, rút một phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Anh Đặng Văn Gi và chị Lê Thị Th tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã C, huyện H, Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 20/7/2015 theo đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân gia đình, là hôn nhân hợp pháp.

Vợ chồng anh chị sống với nhau bình thường một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, xuất phát từ mâu thuẫn về kinh tế, do anh Gi chơi bời dẫn đến nợ nần, không chịu chăm lo làm ăn. Vì vậy tình cảm vợ chồng dần không còn. Nay chị Th đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Gi, anh Gi không muốn ly hôn nhưng nếu chị Th cương quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn. Điều này thể hiện tình cảm của anh chị không còn, tình trạng hôn nhân đã thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo

dài, chị Th muốn ly hôn, anh cũng đồng ý. Tuy nhiên tại phiên tòa vắng mặt cả hai bên đương sự nên không thể biết cho đến thời điểm hiện tại quan điểm của anh Gi là như thế nào nên Hội đồng xét xử không thể công nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị. Vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Th là phù hợp với tình trạng hôn nhân hiện nay của anh chị.

[2] Về con: Anh Đặng Văn Gi và chị Lê Thị Th có 01 con chung là cháu Đặng B, sinh ngày 19/5/2016. Hiện cháu An đang ở với chị Th. Cả anh Gi và chị Th đều đề nghị được trực tiếp nuôi con, tuy nhiên nhận thấy anh Gi có cuộc sống kinh tế chưa ổn định, nguyên nhân ly hôn cũng vì anh không chăm lo làm ăn, chơi bời nợ nần. Hơn nữa cháu An còn quá nhỏ, cần hơi ấm và sự chăm sóc của người mẹ. Vì vậy không thể giao cháu Đặng B cho anh Gi trực tiếp nuôi dưỡng mà giao cháu cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc mới đảm bảo cho cháu được phát triển ổn định cả về tâm sinh lý cũng như mới đảm bảo được điều kiện sinh hoạt học hành cho cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Th không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tố tụng:

Tại phiên tòa ngày 10/3/2020, anh Đặng Văn Gi vắng mặt không có lý do dù đã được triệu tập hợp lệ nên Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 233 và 235 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, anh Đặng Văn Gi lại vắng mặt không có lý do, chị Lê Thị Th có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh Đặng Văn Gi là đúng quy định của pháp luật.

Về án phí: Nguyên đơn chị Lê Thị Th phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

Về hôn nhân: Chị Lê Thị Th được ly hôn với anh Đặng Văn Gi.

Về con: Công nhận cháu Đặng B, sinh ngày 19/5/2016 là con chung của anh Đặng Văn Gi và chị Lê Thị Th.

Giao cháu Đặng B cho chị Lê Thị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh Đặng Văn Gi có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Lê Thị Th phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0009733 ngày 31 tháng 01 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H. Chị Th đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Th và anh Đặng Văn Gi được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã Y., huyện N.
- UBND xã C;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Ngọc Tú

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Bình Quyền

Trịnh Thị Loan

Lê Thị Ngọc Tú

